

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

2. Ông Phạm Thành Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Ánh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên
tòa:** Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22/4/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1992

HKTT: Số 96, ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: Số 119/3 đường Hồ Văn Long, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp 9, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Anh T có mặt tại phiên tòa, chị V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Phạm Quốc T trình bày:

Anh và chị Trần Thị V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 19/01/2018;

Sau khi kết hôn, anh chị sống bên gia đình chồng tại xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chung sống được 2 tháng thì chị V tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống. Anh có liên lạc khuyên chị V về nhưng chị V không đồng ý. Từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc với nhau. Anh T lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, chị V sống ở xã

P, huyện G, tỉnh Bến Tre; mỗi người có công việc và cuộc sống riêng. Hiện tại anh chị đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay.

Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Trần Thị V nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị V, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Trần Thị V có 1 con chung là Phạm Hoàng K, sinh ngày 27/4/2018. Anh T đồng ý để chị V trực tiếp nuôi cháu K, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết
Theo bị đơn chị Trần Thị V trình bày:

Do bận đi làm nên chị V có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Phạm Quốc T.

- Về con chung: Chị và anh Phạm Quốc T có 1 con chung là: Phạm Hoàng K, sinh ngày 27/4/2018. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Hoàng K, không yêu cầu anh Phạm Quốc T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị V khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị V khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay

Nguyên đơn anh Phạm Quốc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Trần Thị V có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quốc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Quốc T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

- Anh Phạm Quốc T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho anh được ly hôn với chị Trần Thị V và yêu cầu để chị V trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn chị Trần Thị V hiện đang cư trú tại ấp 9, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn chị Trần Thị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quốc T và chị Trần Thị V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngã Tư, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 19/01/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, anh Phạm Quốc T cho rằng chị Trần Thị V tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống. Anh có liên lạc khuyên chị V về nhưng chị V không đồng ý. Từ đó đến nay vợ chồng ít liên lạc với nhau. Anh T lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, chị V sống ở xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; mỗi người có công việc và cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Hiện tại anh chị đã ly thân từ tháng 4/2018 đến nay; anh xác định không còn tình cảm với chị V nữa nên xin được ly hôn. Về phía chị V tuy không trình bày rõ mâu thuẫn giữa chị và anh T là gì nhưng chị V cũng thể hiện thái độ không mong muốn hàn gắn tình cảm với anh T. Nay anh T xin ly hôn, chị cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Phạm Quốc T và chị Trần Thị V là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Quốc T và chị Trần Thị V có 1 con chung là: Phạm Hoàng K, sinh ngày 27/4/2018. Chị V yêu cầu sau khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi cháu Phạm Hoàng K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu K con rất nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, đang sống chung với mẹ và có cuộc sống, sinh hoạt ổn định; và anh T cũng đồng ý để chị V trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận để chị Trần Thị V được trực tiếp nuôi cháu Phạm Hoàng K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Đồng thời, xét việc chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Cả anh T và chị V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Cả anh T và chị V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện G là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh Phạm Quốc T phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Quốc T đối với bị đơn chị Trần Thị V, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quốc T được ly hôn với chị Trần Thị V.
- Về con chung: Chị Trần Thị V được trực tiếp nuôi con chung là cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 27/4/2018 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Cả anh Phạm Quốc T và chị Trần Thị V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Cả anh Phạm Quốc T và chị Trần Thị V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh Phạm Quốc T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011458 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp xong tiền án phí.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Quốc T được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với chị Trần Thị V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương